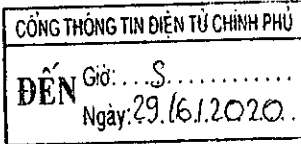


Số: 13 /2020/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 23 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng và diện tích công trình sự nghiệp khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang**



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính Kiên Giang tại Tờ trình số 116/TTr-STC ngày 03 tháng 4 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp khác (trừ công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các đơn vị sự nghiệp công lập để làm cơ sở đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

**2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan Nhà nước; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn Nhà nước (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

**Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:**



TT	Loại diện tích chuyên dùng	Diện tích tối thiểu (m <sup>2</sup> )	Diện tích tối đa (m <sup>2</sup> )
1	Diện tích sử dụng cho bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	48	58
2	Diện tích sử dụng để tiếp dân	18	22
3	Diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	29
4	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)	0,8 m <sup>2</sup> /chỗ ngồi (khi phòng hội nghị được trang bị ghế bành hay ghế tựa)	1 m <sup>2</sup> /chỗ ngồi (khi phòng hội nghị được trang bị ghế bành hay ghế tựa)
		1,8 m <sup>2</sup> /chỗ ngồi (khi phòng hội nghị được trang bị bàn viết)	2,2 m <sup>2</sup> /chỗ ngồi (khi phòng hội nghị được trang bị bàn viết)
5	Kho chuyên ngành	20	Số mét giá tài liệu cần bảo quản/5

**Điều 3. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang**

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp khác của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong quá trình sử dụng.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp tại đơn vị.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng được quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách khi được giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện quản lý, sử dụng diện tích chuyên dùng theo đúng quy định.

### **Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích theo tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này.

### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2020. / *VL*

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- UBMT tổ quốc VN tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Kiên Giang;
- TV UBND tỉnh;
- Như Điều 6 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, STC. hthanh. (84 b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Vũ Hồng**

